

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 11)

ISSN: 2734-9195 08:30 19/03/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 11.

1. Mười "Tạng" vô tận của Bồ tát

Bồ Tát đầy đủ nguyện, thì lập tức đắc được mười tạng vô tận:

1. Tạng vô tận khắp thấy chư Phật. 2. Tạng vô tận tổng trì không quên. 3. Tạng vô tận quyết rõ các pháp. 4. Đại bi cứu hộ. 5. Đủ thứ tam muội. 6. Mẫn tâm chúng sinh, phước đức rộng lớn. 7. Diễn nói tất cả pháp, trí tuệ thâm sâu. 8. Báo được thần thông. 9. Trụ vô lượng kiếp. 10. Tạng vô tận vào vô biên thế giới. Nguyện của Bồ Tát, tức là: 1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ. 2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn. 3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học. 4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Đây là bốn thế nguyện lớn của Bồ Tát. Phàm là Bồ Tát, trước hết đều phát bốn thế nguyện này, tu hành viên mãn thì lại phát đại nguyện đặc biệt, giống như mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền .v.v...

Gì gọi là tạng?

Tạng nghĩa là vô tận. Còn có nghĩa là sinh ra uẩn tạng.

Mười tạng khác nữa là: 1. Tín tạng: Tín pháp tạng. 2. Giới tạng: Giới pháp tạng. 3. Tàm tạng: Tàm pháp tạng. 4. Quý tạng: Quý pháp tạng. 5. Văn tạng: Văn pháp tạng. 6. Thí tạng: Thí pháp tạng. 7. Tuệ tạng: Tuệ pháp tạng. 8. Niệm tạng: Niệm pháp tạng. 9. Trì tạng: Trì pháp tạng. 10. Biện tạng: Biện pháp tạng.

Tín tạng, Ngài tin mười pháp này:

1. Tin tất cả pháp đều là không, đều là vắng lặng. Do đó: "Quét tất cả pháp, Là tất cả tướng".

2. Tin tất cả pháp đều là không hình, không tướng. Do đó: "Các pháp tướng vắng lặng/ Không thể dùng lời nói". Vì là vắng lặng, cho nên chẳng có hình tướng. Bản thể của pháp là lời lẽ đã bật, nơi tâm hành đã diệt.
3. Tin tất cả pháp đều là không nguyện, chẳng có nguyện cầu và hy vọng. Tu pháp đừng có tâm ý đồ và tham lam, muốn đắc được lợi ích gì, đó đều là vọng tưởng. Phải đừng có tướng nguyện cầu, cũng không tướng, cũng không nguyện, đó mới là chân tinh thần tu pháp.
4. Tin tất cả pháp đều chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có kẻ thọ.
5. Tin tất cả pháp đều chẳng có phân biệt. Bản thân của pháp là bình đẳng, không thể nói pháp của tôi cao, pháp của bạn thấp. Hoặc pháp của tôi là pháp thiện, pháp của bạn là pháp ác, tự nó chẳng có sự phân biệt như thế. Do đó: "Pháp đều bình đẳng, Chẳng có cao thấp".
6. Tin tất cả pháp chẳng có chỗ mà sinh ra.
7. Tin tất cả pháp không thể lường. Tuy nhiên không tướng, không nguyện, không làm, không phân biệt, lại không chỗ nương, nhưng vẫn có vô lượng vô số.
8. Tin tất cả pháp là diệu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Tuy nhiên pháp không thể lường, nhưng chẳng có pháp nào cao hơn nó.
9. Tin tất cả pháp chẳng có pháp nào siêu hơn nó được.
10. Tin tất cả pháp đều không chỗ sinh.

Bồ Tát tin mười pháp như đã nói ở trên, tùy thuận tất cả pháp, sinh ra tâm tin thanh tịnh rồi, mà chẳng chấp trước. Nghe đến mười thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn, mà tâm chẳng khiếp nhược. Vì Bồ Tát có định lực, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên chẳng sinh tâm sợ hãi.

1. Bồ Tát nghe được các Phật pháp không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.
2. Bồ Tát nghe được tất cả chư Phật diệu không thể tả, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.
3. Bồ Tát nghe được cõi chúng sinh không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.
4. Bồ Tát nghe được pháp giới không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

5. Bồ Tát nghe được cõi hư không không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

6. Bồ Tát nghe được cõi Niết Bàn không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

7. Bồ Tát nghe được đời quá khứ không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

8. Bồ Tát nghe được đời vị lai không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển. 9. Bồ Tát nghe được đời hiện tại không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển. 10. Bồ Tát nghe được vào tất cả kiếp không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển. Bồ Tát nghe được mười thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn rồi, mà tâm chẳng khiếm nhược, khiến cho tâm bồ đề càng tăng trưởng, càng vững mạnh.

Niết Bàn tức là không sinh không diệt. Đến được cảnh giới Niết Bàn, tức là đắc được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức. Tóm lại, phiền não diệt rồi, tức là Niết Bàn. Do đó: "Phiền não vô tận thế nguyện đoạn". Chúng ta không cần đoạn phiền não, mà là phải biến phiền não. Tại sao? Vì ở trong kinh Phật có nói: "Phiền não tức bồ đề". Nếu đoạn trừ phiền não, thì bồ đề cũng chẳng còn. Mà phải chuyển hóa từ phiền não trở thành bồ đề.

Bồ Tát tu hành, phải ôm lấy ba chữ "kiên, thành, hằng" làm tông chỉ. Có tâm tin kiên cố, có tâm tin kiên thành, có tâm tin hằng thường, tin sâu không nghi. Đối với trí tuệ của chư Phật cũng chẳng tăng, cũng chẳng giảm, cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt, cũng chẳng tiến, cũng chẳng lùi, cũng chẳng gần, cũng chẳng xa, cũng chẳng biết, cũng chẳng bỏ. Bồ Tát là tu mà không tu, chứng mà không chứng, hành sở vô sự. Tu sáu độ vạn hạnh, chỉ là trách nhiệm của Ngài phải làm, nghĩa vụ phải xong, chẳng có mong cầu. Tuy nhiên Bồ Tát minh bạch tất cả pháp, chiếu rõ tất cả pháp, nhưng chẳng có sự chấp trước về sự hiểu biết, buông xả được tất cả. Bồ Tát thường tu hành tín tạng kiên cố. Tại sao? Vì: "Tin là nguồn đạo mẹ công đức/ Dưỡng lớn tất cả các pháp lành". Có tâm tin, mới có thể tu hành, tu hành mới có thể khai ngộ, khai ngộ mới có đại trí tuệ. Bồ Tát trụ ở trong tín tạng này, sẽ được nghe tất cả Phật pháp, mà thọ trì tất cả Phật pháp, do đó: "Y pháp tu trì". Nghe trì tất cả Phật pháp rồi, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói diệu pháp này, khiến cho họ nghe pháp khai ngộ, y pháp tu hành, sẽ chứng quả vị Phật.

2. Giới tạng

Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài thành tựu mười thứ giới này: 1. Giới lợi ích khắp. 2. Giới chẳng thọ. 3. Giới chẳng trụ. 4. Giới không hối hận. 5. Giới không tranh cãi. 6. Giới chẳng tổn hại. 7. Giới không tạp uế. 8. Giới không tham cầu. 9. Giới không lỗi lầm. 10. Giới không huỷ phạm.

Giới có ba tụ tịnh giới: 1. Luật nghi giới: Giới tất cả sự oai nghi. 2. Thiệ pháp giới: Giới tu hành tất cả pháp lành. 3. Lợi ích chúng sinh giới: Giới lợi ích tất cả chúng sinh. Gì là giới lợi ích khắp tất cả chúng sinh? Vị Bồ Tát tu giới tạng, thọ trì giới thanh tịnh, vì lợi ích tất cả chúng sinh. Gì là giới thanh tịnh? Tức là giữ gìn năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đây là giới lớn căn bản. Vì giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, năm việc này trực tiếp, hoặc gián tiếp tổn hại sự an toàn và lợi ích chúng sinh. Vì vậy, cho nên Phật tử phải thọ trì giới khắp lợi ích chúng sinh.

Gì là giới chẳng thọ? Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài chẳng tiếp thọ tất cả tà giới của ngoại đạo tu hành. Vì giới của ngoại đạo đều là giới chẳng rốt ráo, cho nên chẳng thọ trì giới này. Nhưng tính tự dừng mãnh tinh tấn, phụng trì giới báu kim cương quang minh thanh tịnh bình đẳng của chư Phật ba đời. Ấn độ có rất nhiều ngoại đạo, tu trì giới chẳng thanh tịnh, có kẻ giữ giới bò, có kẻ giữ giới chó, có kẻ giữ giới nai, có kẻ giữ giới chim .v.v...học cách sống của loài súc sinh, nhận rằng có thể được sinh về trời, nhưng chẳng biết nhân quả. Đây đều là tà giới, nên không thể thọ trì.

Gì là giới chẳng trụ? Bồ Tát tu giới tạng, khi thọ trì giới, thì trong tâm chẳng có sự chấp trước dục niệm, chẳng có sắc tướng, chẳng có vô sắc tướng. Tam giới tức là: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Chúng sinh trong dục giới, có tình dục, thân hình, tâm thức. Chúng sinh ở sắc giới, tuy chẳng có tình dục, nhưng có thân hình, có tâm thức. Chúng sinh ở cõi vô sắc, chỉ có tâm thức mà thôi. Tóm lại, dục giới có tư tưởng dâm dục, sắc giới có ý niệm sắc đẹp, vô sắc giới có phân biệt chấp trước. Cho nên vẫn ở trong sinh tử luân hồi, mà không thoát khỏi được tam giới. Bồ Tát chẳng muốn sinh về cõi trời, chẳng muốn hưởng thụ phước báo. Vì phước báo hưởng thụ hết, vẫn phải đoạ xuống nhân gian, để hưởng thụ phước báo dư thừa còn lại. Phàm là người vinh hoa phú quý, đa số là người trời sinh xuống nhân gian. Phàm là người nghèo hèn khổ sở, đa số là từ địa ngục tái sinh lên. Tuy nhiên không thể nói một cách đại khái, nhưng chẳng cách xa ngoài phạm vi nhân quả là bao. Bồ Tát vì chẳng cầu sinh về cõi trời, cho nên thọ trì giới chẳng trụ.

Gì là giới không hối hận? Vị Bồ Tát tu giới tạng, thường thường đắc được an trụ, tâm chẳng có hối hận. Tại sao? Vì Ngài chẳng phạm hai lỗi, chẳng làm hai tội. Chẳng làm xiểm nịnh, chẳng dối trá. Chỉ thọ trì giới luật thanh tịnh, tuyệt đối

chẳng phá tịnh giới.

Gì là giới không trái cãi? Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài chẳng trái, chẳng tranh cãi giới luật của chư Phật ba đời đã thành lập. Ngài chẳng tự thành lập giới luật khác. Trong tâm thường tùy thuận giới hướng về con đường Niết Bàn để tu hành. Thọ trì đầy đủ chẳng huỷ phạm. Ngài chẳng vì mình mà trì giới, để nào hại chúng sinh khác. Chẳng nhiều loạn chúng sinh, chẳng khiến cho chúng sinh có sự khổ não, chỉ muốn tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Do nhân duyên đó, mà thọ trì tịnh giới không trái cãi.

Gì là giới chẳng nhiễu hại? Bồ Tát tu tịnh giới, chẳng vì trì giới mà học tà pháp của ngoại đạo, chú thuật của Thiên ma, hoặc chế tạo các thuốc mê hồn .v.v... để nhiễu hại chúng sinh, để thương hại chúng sinh. Bồ Tát vì cứu hộ tất cả chúng sinh là khổ được vui, cho nên thọ trì tịnh giới chẳng nhiễu hại chúng sinh.

Gì là giới chẳng tạp? Vị Bồ Tát tu tịnh giới, Ngài chẳng chấp trước biên kiến, tức là chẳng chấp thường, chẳng chấp đoạn hai bên tà kiến. Chẳng giữ tạp giới, tức là chẳng giữ tà giới của bàng môn tả đạo. Chỉ quán sát đạo lý mười hai nhân duyên sinh diệt, mà thọ trì tịnh giới thoát khỏi ba cõi.

Gì là giới không tham cầu? Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài chẳng hiện tướng đặc biệt, để hình ảnh mình có đức, hoặc tham đồ cúng dường. Người tu đạo đừng dùng năm phương pháp tà mạng, nuôi mạng sống bất chính, để duy trì đời sống:

1. Trá hiện tướng lạ. 2. Thỉnh người cúng dường. 3. Chiêm tướng cát hung. 4. Lớn tiếng hiện oai. 5. Nói công đức mình. Năm thứ hành vi này, đều là biểu hiện sự pháp giới. Bồ Tát chẳng có những tham cầu bất chính như thế. Chỉ vì đầy đủ pháp xuất ly thế gian, mà thọ trì tịnh giới không tham cầu.

Gì là giới không lỗi lầm? Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài chẳng có tâm kiêu ngạo, chẳng cố cao, chẳng ngã mạn. Chẳng đề cao đức hạnh của mình, nói tôi là người trì tịnh giới. Nếu thấy người phá giới, cũng chẳng phỉ báng, chẳng khinh thường, chẳng nói lỗi của họ, chẳng nói tội của họ. Chỉ dùng thân làm khuôn phép, khiến cho đối phương sinh tâm hổ thẹn. Chỉ một lòng thọ trì giới luật.

Gì là giới không huỷ phạm? Vị Bồ Tát tu giới tạng, Ngài đã vĩnh viễn dứt sạch hành vi mười điều ác. Phụng hành pháp thập thiện, tức cũng là ba nghiệp thanh tịnh.

Thân nghiệp có ba pháp lành: 1. Không giết hại, ngược lại phóng sinh. 2. Không trộm cắp, ngược lại bố thí. 3. Không tà dâm, vì Bồ Tát vẫn là người xuất gia. Nếu là người xuất gia thì tuyệt đối cấm dâm.

Nghiệp miệng có bốn pháp lành: 1. Không nói dối, nói lời chân thật. 2. Không nói hai lưỡi, đối với ông A không nói chuyện thị phi của ông B, đối với ông B không nói lời thị phi của ông A. 3. Không chửi mắng, tuyệt đối không mắng người, không phê bình người. 4. Không nói lời vô nghĩa, tức là thêu dệt, chẳng nói về chuyện tư tình nam nữ, chẳng tả tình ái nam nữ.

Ý nghiệp có ba pháp lành: 1. Không tham, biết đủ thì an vui. 2. Không sân, hoà mục tương xử. 3. Tà kiến, tức là ngu si, nếu chẳng ngu si, thì trí tuệ sẽ hiện tiền. Bồ Tát thọ trì đầy đủ mười nghiệp lành này. Khi Bồ Tát thọ trì giới không huỷ phạm, Ngài quán tưởng như vậy: "Tất cả chúng sinh tại sao phải huỷ phạm giới thanh tịnh? Vì chúng sinh có tà tri tà kiến, cho nên cứ làm việc điên đảo. Chỉ có Phật mới biết nhân duyên gì mà chúng sinh điên đảo, huỷ phạm giới luật thanh tịnh. Ta phải thành tựu vô thượng bồ đề, rộng vì chúng sinh diễn nói pháp chân thật, khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi điên đảo".

Vị Bồ Tát tu quý tạng, tự sinh tâm thẹn ăn năn. Nghĩa là cảm thấy mình làm những việc có lỗi với người, trong tâm có sự hổ thẹn, thẹn nguyện từ nay về sau không tái phạm nữa. Trong Luận Du Già có nói: "*Trong sinh tâm xấu hổ là tà/ Ngoài sinh tâm xấu hổ là quý*". Chính nhân quân tử, một đời làm việc, ngửa mặt lên không thẹn với trời, cúi xuống không tủi với đất, quang minh lỗi lạc. Vị Bồ Tát này, tự thẹn từ thuở xưa vô lượng kiếp đến nay, ở trong năm dục, có đủ thứ sự tham cầu. Tham trước sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần. Cảnh giới năm trần này, hay khiến cho con người điên đảo mà mê hoặc. Hoặc tham luyến tài, sắc, danh, ăn, ngủ. Năm dục này là địa ngục năm căn, người tu đạo phải cẩn thận, đừng bị cảnh giới năm trần làm lay chuyển, mà phải dùng ý chí kim cang, định lực kiên cố để chuyển cảnh giới. Tức cũng là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt. Nếu chẳng lay động, thì sẽ chuyển được cảnh giới. Vị Bồ Tát này tự thẹn đối với năm dục có đủ thứ sự tham cầu, chẳng có lúc nào nhàm chán, hoặc biết đủ. Vì tham mà không chán, cho nên tăng trưởng tham, sân, si, mạn, nghi, tất cả phiền não. Vị Bồ Tát này nói: "Hiện tại tôi không nên tham vui năm dục nữa, phải mau tu pháp môn thanh tịnh".

3. Mười thứ pháp

Vị Bồ Tát tu văn tạng, Ngài biết mười thứ pháp này, là từ nghe nhiều mà đắc được. Do đó: "Bác học đa văn", mới có trí tuệ, nếu "Cô lậu quả văn", tức là ngu si. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Vì việc này có, cho nên việc này có. 2. Vì việc này không, cho nên việc này không. 3. Vì việc này duyên khởi, cho nên việc này duyên khởi. 4. Vì việc này tịch diệt, cho nên việc này tịch diệt. 5. Pháp này là pháp thế gian. 6. Pháp kia là

pháp xuất thế gian. 7. Hoặc là pháp hữu vi. 8. Hoặc là pháp vô vi. 9. Hoặc là pháp có số ký. 10. Hoặc là pháp vô số ký.

Gì là việc nầy có nên việc nầy có? Vì ai ai cũng đều có vô minh. Có vô minh, thì có hành. Đoạn Kinh văn nầy nói về đạo lý mười hai nhân duyên. Gì là vô minh? Tức là chẳng hiểu biết, chẳng hiểu biết tức là điên đảo. Do đó: "Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo", đều từ vô minh mà khởi. Vì chẳng hiểu biết, nên có hành vi điên đảo. Có hành vi điên đảo, thì tất cả tất cả đều hiện ra. Gì là việc nầy không nên việc nầy không? Đây là nói chẳng có thức, thì chẳng có danh sắc. Vì một niệm vô minh khởi lên, thì có tính hành vi. Có tính hành vi rồi, thì có thức, thai nhi. Có thức thì có danh sắc, danh là hệ thống thần kinh của thai nhi, sắc là nhục thể của thai nhi. Nếu chẳng có thức, thì chẳng có danh sắc.

Gì là việc nầy khởi, nên việc nầy khởi? Tức là nói nhân duyên của ái sinh khởi rồi, thì sẽ có khổ. Có ái cảm thấy rất khoái lạc, kỳ thật, khoái lạc là nguồn gốc của khổ đau. Do đó: "Đoạn dục khử ái", đây mới là pháp cơ bản của sự tu đạo. Gì là việc nầy diệt, nên việc nầy diệt? Tức là nói hữu diệt rồi, thì chẳng có sinh. Sinh diệt rồi, thì chẳng có già chết, đây là nguồn gốc giải quyết vấn đề sinh tử, không còn thọ khổ luân hồi nữa, mà đắc được vui Niết Bàn. Mười hai nhân duyên phân làm hai cửa: Một là cửa lưu chuyển, hai là cửa hoàn diệt. Cửa lưu chuyển là: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây là nhân quả ba đời, nhân duyên cảm khổ nghiệp, cuối rồi lại bắt đầu, luân hồi không gián đoạn. Cửa hoàn diệt là: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Do đó có thể biết, vô minh diệt thì chẳng còn sinh tử. Cho nên chỉ cần đoạn vô minh, thì chẳng có phiền não gì nữa.

Gì là pháp thế gian? Tức là pháp hữu lậu, có lối nói là năm uẩn, tức là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm thức sắc tâm pháp. Sắc nghĩa là biến ngại: Những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, đều là sắc pháp. Thọ nghĩa là lãnh nạp: Cảnh giới trong tâm tiếp thọ, liền sinh khởi sự cảm thọ tác dụng. Tưởng nghĩa là thủ tượng: Năm căn tiếp thọ năm trần rồi, liền sinh ra tư tưởng. Hành nghĩa là phiên lưu: Có tư tưởng rồi, liền có biểu hiện hành vi. Thức nghĩa là liễu biệt: Có hành vi rồi, liền sinh ra tâm phân biệt thương ghét. Tóm lại, sắc uẩn do nhân duyên mà có, pháp hữu vi. Thọ tưởng hành thức bốn uẩn do vọng niệm sinh ra, là tâm pháp. Đây đều là pháp thế gian.

Gì là pháp xuất thế gian? Tức là pháp vô lậu, có lối nói là năm phần pháp thân. Tức cũng là: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nhờ năm công đức nầy

mà thành tựu thân Phật. Do giới sinh ra định, do định sinh ra tuệ, do tuệ đoạn trừ được hoặc, hoặc dứt thì được giải thoát. Giải thoát phá được tất cả chướng, phản chiếu quán tâm, tức là giải thoát tri kiến. Nói đơn giản.

- Giới: Đoạn trừ được các việc ác, hay tu các việc lành. - Định: Tin sâu pháp, tâm vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. - Tuệ: Tâm chẳng chướng ngại, chiếu rõ tự tính. Quán sát thân tâm, mà chẳng chấp trước. - Giải thoát: Cởi mở sự ràng buộc của nghiệp hoặc, thoát khỏi quả khổ ba cõi. - Giải thoát tri kiến: Tức là hậu đắc trí. Do giải thoát mà đắc được giải thoát tri kiến. Đây là pháp xuất thế gian.

Gì là pháp hữu vi? Tức là pháp có chỗ làm, là pháp nương nhân duyên mà làm. Đây là sự tướng khác biệt. Nói về dục giới, có hình tướng nam nữ, do dâm dục mà thọ thân. Sắc giới, tuy nhiên chẳng có hình tướng nam nữ, nhưng có tất cả sắc tướng. Vô sắc giới, tuy nhiên vô sắc tướng, nhưng vẫn còn có tâm chấp trước. Chúng sinh giới, do chúng duyên tụ tập mà có sinh. Đây đều là pháp hữu vi.

Gì là pháp vô vi? Tức là pháp không chỗ làm. Tức cũng là pháp lìa nhân duyên làm nên. Là lý tính bình đẳng. Nói về hư không: Tức là lìa khỏi tất cả chướng ngại, chẳng có vật có thể hiển hiện ra.

Niết Bàn: Vì tính tịch diệt, là tính tịnh Niết Bàn. Quả của sự tính tịnh là viên tịnh Niết Bàn. Số duyên diệt: Số là tuệ số, do tuệ làm duyên, lựa chọn các hoặc, hiển được lý diệt. Phi số duyên diệt: Chẳng phải do tuệ số diệt hoặc đắc được. Chỉ dùng tính tịnh và duyên khuyết hiển ra. Duyên khởi: Tức là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên tức là Phật tính, cho nên là vô pháp tính. Pháp tính trụ: Tức là chân như, thể tính của các pháp, lìa hư vọng mà chân thật là chân, thường trụ không đổi là như. Tính của chân như là pháp, cho nên là pháp tính. Còn là tính Như Lai tạng, viên thành thật tính, Phật tính, pháp giới .v.v...đây đều là pháp vô vi.

Gì là pháp hữu ký? Tức là có thiện, có ác, có thể chiêu cảm ái phi ái quả, cho nên, có thể ký lục, ghi nhớ.

- Bốn Thánh Đế, tức là: Khổ, tập, diệt, đạo. - Bốn quả Sa Môn, tức là: Quả Tu đà hoàn, dịch là nhập lưu. Quả Tư đà hàm, dịch là nhất lai. Quả A na hàm, dịch là bất lai. Quả A la hán, dịch là vô sinh. - Bốn biện, tức là bốn biện vô ngại: Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. - Bốn vô sở úy: Tức là nhất thiết trí vô sở úy, lậu tận vô sở úy, nói chướng đạo vô sở úy, nói đạo hết khổ vô sở úy. - Bốn niệm xứ, tức là: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. - Bốn chính cần, tức là: Điều ác đã sinh khiến dứt trừ, điều ác chưa sinh khiến cho đừng sinh, điều thiện chưa sinh khiến cho

sinh ra, điều thiện đã sinh khiến cho tăng trưởng. - Bốn thần túc, tức là bốn như ý túc: Dục như ý túc, tâm như ý túc, cần như ý túc, tuệ như ý túc. Năm căn, tức là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Năm lực, tức là: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Bảy giác phần, tức là: Trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, niệm giác phần, định giác phần, xả giác phần. Tám Thánh đạo phần, tức là: Chính kiến, chính ngữ, chính tư duy, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm, chính định. Đây là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Gì là pháp vô ký, chẳng nghi nhớ? Tức là chẳng thiện chẳng ác, không thể chiêu cảm quả ái chẳng ái, không thể ký lục. Đó là thế gian có bờ mé? Thế gian chẳng có bờ mé? Thế gian cũng có bờ mé, cũng chẳng có bờ mé? Thế gian chẳng phải có bờ mé, cũng chẳng phải không bờ mé? Thế gian là có thường? Thế gian là vô thường? Thế gian cũng có thường cũng vô thường? Thế gian chẳng phải có thường, cũng chẳng phải vô thường? Như Lai diệt rồi là có? Như Lai diệt rồi là không? Như Lai diệt rồi cũng có cũng không? Như Lai diệt rồi chẳng phải có chẳng phải không? Tôi và chúng sinh là có? Tôi và chúng sinh là không? Tôi và chúng sinh cũng có cũng không? Tôi và chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không? Bốn câu hỏi này, không cách chi ghi nhớ, nên gọi là vô ký.

Thế gian từ đâu đến? Thế gian đi về đâu? Có bao nhiêu thế giới thành? Lại có bao nhiêu thế giới hoại? Thế giới từ nơi nào đến? Lại đi về đâu? Đây cũng là pháp không thể ghi nhớ.

Gì là bờ mé ban đầu của sinh tử? Gì là bờ mé cuối cùng của sinh tử? Những vấn đề này cũng không thể ghi nhớ. Đạo lý ở trên vừa nói đều là pháp vô ký.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

4. Tạng thí, Tuệ tạng, Niệm tạng, Trì tạng

Vị Bồ Tát tu tạng thí, Ngài tu hành mười thứ pháp môn bố thí. Đó là:

1. Phân giảm thí. 2. Kiệt tận thí. 3. Nội thí. 4. Ngoại thí. 5. Nội ngoại thí. 6. Nhất thiết thí. 7. Quá khứ thí. 8. Vị lai thí. 9. Hiện tại thí. 10. Cứu kính thí.

Bồ Tát tu tuệ tạng, đối với năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức và bốn đế, khổ, tập, diệt, đạo, hai thứ pháp này, phải thấu suốt chân thật, mới có trí tuệ giáo hoá chúng sinh. Đối với sắc uẩn, nghĩa là chất ngại, có hình tướng, phải chân thật minh bạch, biết rõ sắc uẩn là hư vọng, chẳng thật tại. Do sắc uẩn lại sinh ra khổ, tập, diệt, đạo, pháp bốn đế, chẳng bị bốn pháp này ràng buộc. Do sắc uẩn mà chiêu cảm tập đế, cũng phải biết rõ chân thật. Do sắc uẩn mà chúng được diệt đế, cũng phải biết rõ chân thật. Do sắc uẩn mà chúng được diệt đạo đế, cũng phải biết rõ chân thật. Đối với thọ uẩn, nghĩa là lãnh nạp, chẳng có hình tướng, đối với tưởng uẩn, nghĩa là thủ tượng, chẳng có hình tướng, đối với hành uẩn, nghĩa là thiên lưu, chẳng có hình tướng, đối với thức uẩn, nghĩa là liễu biệt, chẳng có hình tướng. Bốn uẩn này cũng phải thấu suốt chân thật. Có cảm giác tốt đẹp, thì muốn lãnh thọ cảnh giới này. Cảm thọ rồi, bèn sinh tưởng uẩn. Có tưởng uẩn rồi, bèn sinh ra hành uẩn. Hành uẩn là niệm niệm dời đổi, niệm niệm không ngừng. Có hành uẩn rồi, bèn sinh ra đủ thứ tâm thức phân biệt. Tâm thức có năng lực phán đoán, phân biệt được tốt xấu. Do thọ tưởng hành thức mà chiêu cảm tập đế, cũng phải biết chân thật. Do thọ tưởng hành thức mà chúng được diệt đế, cũng phải biết chân thật. Do thọ tưởng hành thức mà tu diệt đạo đế, cũng phải biết chân thật. Nếu chẳng bị cảnh giới làm mê hoặc, mà chuyển được cảnh giới, thì sẽ thành tựu vô thượng bồ đề. Nếu chúng ta đối với pháp năm uẩn và pháp bốn đế, chẳng thấu hiểu với nhau, thì không thể viên dung vô ngại, sẽ sinh ra đủ thứ chấp trước. Giống như kén làm tơ, tự vây khốn mình, chẳng được giải thoát. Minh bạch đạo lý này, thì sẽ đắc được giải thoát. Đắc được giải thoát rồi, thì không còn bị khổ tập diệt đạo mê hoặc, sẽ biết khổ, đoạn tập, mộ diệt, tu đạo. Nếu chẳng minh bạch lý của nó, thì sẽ chẳng biết khổ, không thể đoạn tập, cũng không thể mộ diệt, cũng không thể tu đạo. Nơi sắc uẩn minh bạch bốn đế là không, thì đối với thọ tưởng hành thức bốn uẩn, cũng như vậy, đều là không, tự tính sẽ chẳng bị năm uẩn che đậy. Lúc đó, sẽ đắc được đại quang minh tạng, tính Như Lai tạng. Pháp năm uẩn bốn đế này, phải hạ một phen khổ công để nghiên cứu, thì mới hiểu rõ triệt đế. Lúc nào năm uẩn đều không, thì lúc đó sẽ độ được tất cả khổ ách.

Bồ Tát đối với pháp mười hai nhân duyên, cũng hiểu biết chân thật. Nhân duyên thứ nhất tức là vô minh, nghĩa là chẳng hiểu biết, chẳng minh bạch chân thật. Vô minh này sinh ra hành, hành sinh ra thức, thức sinh ra danh sắc, danh sắc

sinh ra lục nhập, lục nhập sinh ra xúc, xúc sinh ra thọ, thọ sinh ra ái, ái sinh ra thủ, thủ sinh ra hữu, hữu sinh ra sinh, có sinh rồi sẽ có già chết. Mười hai nhân duyên này, do cái này có, nên sinh ra cái kia. Nếu tiêu diệt vô minh rồi, thì hành vi cũng chẳng còn, cho đến già chết cũng chấm dứt. Đạo lý này rất đơn giản, nhưng người thật minh bạch, rất ít lại càng ít. Do đó: "Một niệm không giác sinh tam tế", tức cũng là "Một niệm không giác sinh vô minh". Tướng tam tế tức là hiện tượng, nghiệp tướng, chuyển tướng, cho nên đối với vô minh phải hiểu biết chân thật. Mục đích chúng ta tu đạo, tức là diệt trừ gốc rễ vô minh gây họa hoạn, nếu nhổ bật được gốc rễ, thì chẳng còn phiền não nữa. Lúc bấy giờ tâm được thanh tịnh, trí tuệ hiện tiền. Bằng không nhổ cỏ không tận gốc, thì qua mùa xuân gặp mưa, lại sinh ra. Vậy làm thế nào nhổ được gốc rễ vô minh? Tức là siêng tu giới định tuệ, tiêu diệt tham sân si. Lúc nào không còn ba độc vọng tưởng, thì lúc đó sẽ nhổ sạch gốc rễ vô minh, chẳng còn hậu hoạn nữa. Vị Bồ Tát này đối với vô minh khổ đế, phải biết chân thật. Vô minh tập đế, phải biết chân thật. Vô minh diệt đế, phải biết chân thật. Vô minh diệt đạo đế, phải biết chân thật. Nếu hiểu biết chân thật, thì sẽ đoạn trừ vô minh, sẽ chẳng còn phiền não nữa.

Chúng sinh tại sao phải thọ khổ luân hồi? Đều vì một niệm vô minh, rồi có hành vi. Tại sao có hành vi? Vì có ái. Phải hiểu rõ ái sinh ra như thế nào? Và có quan hệ gì với vô minh? Và có quan hệ gì với khổ tập diệt đạo bốn đế? Điểm này phải rõ ràng. Nếu hiểu biết chân thật, biết khổ, đoạn tập, mộ diệt, chân lý tu đạo, thì chẳng có chướng ngại, sẽ không chuyển tới chuyển lui ở trong sinh tử luân hồi, sẽ đắc được tự tại, được giải thoát, thoát khỏi ba cõi, tránh khỏi luân hồi, đến được bờ kia, hưởng an vui chân thật. Vị Bồ Tát, đối với ái khổ biết như thật, ái tập biết như thật, ái diệt biết như thật, ái diệt đạo biết như thật. Cho nên Bồ Tát tu đoạn dục khử ái, đã tu đến viên mãn, chẳng còn phần đoạn sinh tử, cũng chẳng còn thọ biến dịch sinh tử nữa.

Thanh Văn là bậc nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Nghe âm thanh gì? Nghe âm thanh Phật nói pháp khổ, tập, diệt, đạo, bốn đế. Pháp này phải biết chân thật. Chẳng phải biết một nửa, biết ngoài da ngoài lông, mà chẳng biết nội dung chân thật tính. Đối với pháp của Thanh Văn tu, phải biết chân thật. Đối với tập chiêu cảm của Thanh Văn tu, phải biết chân thật. Làm thế nào để dứt phiền não? Làm thế nào để chứng bồ đề? Thanh Văn tu pháp gì có thể chứng được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn? Đều phải biết chân thật.

Độc Giác là tự mình giác ngộ, vào mùa xuân xem trăm hoa nở, mùa thu xem vạn vật điêu tàn, quán sát tìm cầu cảnh giới tự sinh tự diệt đó, khoáng nhiên khai thông nút mắc nhân duyên, biết rõ tính của toàn thể đại dụng, bản thể của tất cả vạn vật, đều minh bạch thông đạt. Độc giác tức là tên khác của Duyên Giác.

Lúc không có Phật ở đời, người tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, thì gọi là Độc Giác. Khi có Phật ở đời, người tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, thì gọi là bạch Duyên Giác. Duyên Giác quán pháp mười hai nhân duyên, thì biết do vô minh mà sinh ra tất cả, cho nên chẳng dùng vô minh để làm việc. Con người vì có vô minh, mà làm việc điên đảo. Nếu chẳng có vô minh, thì đương nhiên chẳng làm việc điên đảo. Phải biết tất cả nghiệp ác, đều do điên đảo mà ra. Do đó, trước hết phải dứt trừ vô minh, thì phiền não tự nhiên sẽ diệt. Pháp mười hai nhân duyên tức là một bánh xe, chuyển động không ngừng, cho nên gọi là bánh xe sinh mạng. Đối với Độc Giác làm thế nào để thành tựu quả vị, phải biết chân thật. Đối với pháp Độc Giác, mười hai nhân duyên cũng phải biết chân thật. Đối với Độc Giác làm thế nào để dứt phiền não, cũng phải biết chân thật. Đối với Độc Giác chứng được Hữu Dư Niết Bàn, còn có chút tập khí, vô minh, phiền não, cũng phải biết chân thật. Gì là biến dịch sinh tử? Tức là niệm sinh ra, niệm niệm sinh, niệm niệm diệt, sinh diệt không ngừng. Một niệm sinh ra là một sự sinh, một niệm diệt, tức là một sự chết, đây gọi là biến dịch sinh tử.

Bồ Tát dịch là giác hữu tình, hoặc là hữu tình giác, ý nghĩa đại đồng tiểu dị. Đối với Bồ Tát phải nhận thức chân thật, phải nhận thức chân thật pháp của Bồ Tát tu. Nếu chẳng minh bạch pháp của Bồ Tát tu, thì sẽ không chân chính minh bạch Bồ Tát. Pháp của Bồ Tát tu là sáu độ:

1. Bố thí: Đối trị được tham san. 2. Trì giới: Đối trị được phóng dật. 3. Nhẫn nhục: Đối trị được sân hận. 4. Tinh tấn: Đối trị được giải đãi. 5. Thiên định: Đối trị được tán loạn. 6. Trí tuệ: Đối trị được ngu si.

Ngoài ra còn tu vạn hạnh, tức cũng là hành Bồ Tát đạo, tất cả đều vì chúng sinh. Bồ Tát chẳng những hành sáu độ vạn hạnh bên ngoài, mà còn hành sáu độ vạn hạnh bên trong. Bồ Tát phát tâm bồ đề, trước hết giáo hoá tám vạn bốn ngàn chúng sinh bên trong, Do đó: "Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự tính pháp môn thệ nguyện học. Tự tính Phật đạo thệ nguyện thành". Bồ Tát làm thế nào đoạn tập đế? Làm thế nào chứng được Vô Dư Niết Bàn? Chẳng còn tập khí, vô minh, phiền não? Làm thế nào dứt trừ biến dịch sinh tử? Đây tất cả đều phải biết chân thật. Phải đầy đủ những trí tuệ này, mới minh bạch được những pháp này.

Tất cả hết thảy, đều do nhân duyên sinh ra. Nếu chẳng có nhân duyên, thì chẳng có tất cả pháp. Pháp nhân duyên sinh ra, vốn là không. Do đó: "Pháp do nhân duyên sinh ra. Ta nói tức là không. Đó gọi là giả danh. Cũng gọi nghĩa trung đạo". Vạn sự vạn vật ở thế gian, thảy đều chẳng chân thật, cho nên bất tất phải chấp trước. Thân thể của chúng ta, cũng là giả. Bất quá là do bốn đại, đất nước gió lửa giả hợp mà tạo thành thân năm uẩn. Suốt ngày vì nó mà bận

rộn, vì nó mà khổ sở. Đến lúc nó cũng chẳng màng tới bạn, bỏ đi chẳng có chút cảm tình gì. Thân thể là giả, nhưng tự tính là thật. Tự tính trụ ở trong thân thể, giống như người ở trong phòng, phòng hư hoại thì người dọn nhà đi chỗ khác. Thân thể hư hoại thì tự tính cũng phải dọn nhà đi. Tự tính tức là thức thứ tám. Lúc mê hoặc thì gọi là thức A lại da, lúc tỉnh thì gọi là đại quang minh tạng, hoặc gọi là tính Như Lai tạng, cũng có thể gọi là chân như. Tóm lại, tức là Phật tính. Do đó "chuyển thức thành trí". Phải thấu suốt hết thấy tất cả, đều là hư vọng không thật. Thân thể này không nhất định là ta, hết thấy sự vật, cũng không nhất định là của ta. Vì tất cả hết thấy đều chẳng bền vững, đều là vô thường. Tất nhiên là vô thường, lại hà tất phải chấp trước? Chấp trước nó lại có ích gì? Chẳng có chút pháp nào chân thật có thể tồn tại, để được thành lập. Đều do nhân duyên sinh ra, do nhân duyên diệt đi. Phải nhìn xuyên thủng nó, buông xả nó, thì mới đắc được tự tại giải thoát.

Gì là pháp tính chân thật? Tức là bản thể của pháp, là vắng lặng, chẳng có một thật thể, giống như hư không. Nếu minh bạch tất cả là không, là chẳng có, như vậy thì chẳng có chấp trước. Chẳng có chấp trước, thì được giải thoát. Bồ Tát vì tất cả chúng sinh, tuyên nói đạo lý này. Tuyên nói gì? Tuyên nói các pháp không thể hoại. Tại sao không thể hoại? Vì là không. Nếu có hình có tướng, thì sẽ biến hoại. Không hình không tướng, thì hoại cái gì? Có gì để hoại? Pháp gì không thể hoại? Sắc pháp năm uẩn không thể hoại. Thọ, tưởng, hành, thức, bốn pháp này cũng không thể hoại. Vô minh cũng không thể hoại. Cho đến pháp Thanh Văn, bốn đế, pháp Duyên Giác, mười hai nhân duyên, pháp Bồ Tát, sáu độ, những pháp này đều không thể hoại.

Vì nhân duyên gì, mà nói pháp năm uẩn, pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ Tát, đều không thể hoại? Vì tất cả pháp, chẳng có làm, cũng chẳng có người làm. Tất nhiên chẳng có làm và kẻ làm, lại có gì có thể phá hoại, cho nên chẳng có lời lẽ có thể nói ra. Do đó: "Đường lời lẽ đã bật, Nơi tâm hành đã diệt". Pháp này cũng chẳng phải có xứ sở nhất định. Cũng chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, cũng chẳng có khởi, cũng chẳng có hoại. Bản thể của pháp, không thể cho chút gì, cũng chẳng lấy đi chút gì, cũng chẳng có động chuyển, vì nó là vắng lặng. Do đó: "Các pháp từ xưa nay. Thường tự tịch diệt tướng. Không thể dùng lời nói". Cho nên chẳng có sự tác dụng.

Vị Bồ Tát tu tuệ tạng, Ngài minh bạch đủ thứ lý không, biết tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện, cho nên tất cả đều không chấp trước, vì không chấp trước, nên thành tựu vô lượng trí tuệ tạng. Bồ Tát thành tựu vô lượng tuệ tạng, dùng chút ít pháp phương tiện để quán sát tất cả các pháp, thì sẽ thấu hiểu tất cả pháp, chiếu rõ tất cả pháp, lý thể của pháp chân như thật tướng. Lúc đó, tự nhiên sẽ minh bạch thông đạt được lý, không cần nhờ pháp phương tiện, liền được khai ngộ.

Trí tuệ tạng này là vô cùng vô tận, vĩnh viễn nói không hết được. Nói một cách tổng quát, phân ra làm mười pháp không thể tận. Những gì là mười pháp?

1. Đa văn thiện xảo: Đa văn tức là nghe nhiều Phật pháp, tức cũng là nghe nhiều nhớ rộng. Tôn giả A Nan, Ngài là đa văn bậc nhất, phàm là pháp của Phật nói ra, Ngài đều nhớ hết ở trong biển não. Do đó: "Một khi lọt vào tai, vĩnh viễn không quên". Vì đa văn, mới phương tiện khéo léo nói ra đủ thứ diệu pháp, đây là không thể cùng tận.

2. Gần gũi thiện tri thức: Thiện tri thức đem pháp lành ban cho chúng sinh, dùng đạo lý chính tri chính kiến, dẫn nói các pháp thật tướng. Muốn học Phật pháp, thì phải vĩnh viễn gần gũi thiện tri thức, xa lìa ác tri thức. Tại sao? Vì tư tưởng của ác tri thức là tà tri tà kiến, nên dễ đoạ lạc vào ba đường ác.

3. Khéo phân biệt câu nghĩa: Đối với nghĩa lý của câu văn trong Kinh điển, phải phân tích rõ ràng. Không thể không cầu mong thấu hiểu, càng không thể biết một hiểu nửa, tựa đúng mà sai; chẳng những khiến người lầm lẫn, mà còn có hại cho chính mình.

4. Vào sâu pháp giới: Tự tính vào sâu pháp giới, hợp mà làm một. Do đó: "Tận hư không, khắp pháp giới". Đây là không thể cùng tận.

5. Dùng một vị trí trang nghiêm: Một vị trí tức là trí tuệ chân như thật tướng. Dùng trí này để trang nghiêm pháp thân, trang nghiêm cõi Phật, trang nghiêm tất cả cảnh giới .v.v...đây là không thể cùng tận.

6. Tập tất cả phước đức, tâm chẳng nhàm mỏi: Phàm là trợ giúp kẻ khác làm công đức, đều là phước đức, phước đức do ít tập thành nhiều. Viên mãn phước đức, liền được giải thoát. Tuy nhiên làm đủ thứ phước đức, nhưng chẳng có lúc nào nhàm mỏi, tận lực mà làm, chẳng có cùng tận. Chúng ta người tu đạo, tất cả mọi thời, mọi nơi, dùng trí tuệ quang minh để chiếu soi thân tâm của mình, đây là tập tất cả phước đức.

Do đó: "Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, Phiền não vô tận thế nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành". Đây là bốn thế nguyện lớn của Bồ Tát phát ra.

7. Vào tất cả môn Đà la ni: Đà la ni dịch là tổng trì, "tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa", tức cũng là tổng trì thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh. Phải vào sâu tất cả pháp môn tổng trì. Cẩn thận lời nói hành động, không nên nói lời vô nghĩa, tức là tổng tất cả pháp. Làm nhiều công đức, trang nghiêm thân, tức là trì vô lượng nghĩa. Trí tuệ này không thể cùng tận.

8. Phân biệt được lời nói âm thanh của tất cả chúng sinh: Bồ Tát chẳng học tất cả lời nói, mà hiểu được tất cả lời nói. Tại sao? Vì trí tuệ không thể nghĩ bàn, cho nên cùng lúc có thể phân biệt được trăm ngàn lời nói và âm thanh. Chẳng những phân biệt được rõ ràng, mà còn trả lời được các vấn nạn, trí tuệ này cũng không thể cùng tận.

9. Dứt được nghi hoặc của tất cả chúng sinh: Tại sao chúng sinh chẳng tương ưng với đạo? Vì có nghi hoặc. Đối với Phật pháp bán tín bán nghi, cho nên chẳng tương ưng với đạo. Chúng ta người tu đạo, không nên có tâm lý nửa tin nửa nghi, phải có chính tín chính niệm. Bằng không thì, đối với sự tu hành không thể thành tựu đạo nghiệp. Bồ Tát có trí tuệ, Ngài hiểu rõ thị phi, dứt trừ nghi hoặc của chúng sinh. Trí tuệ này không thể cùng tận.

10. Vì tất cả chúng sinh, hiện tất cả thần lực: Bồ Tát vì giáo hoá tất cả chúng sinh, vì điều phục tất cả chúng sinh, nên hiện ra tất cả thần thông lực, để khiến cho tất cả chúng sinh tu hành Phật pháp, chẳng gián đoạn. Trí tuệ này cũng không thể cùng tận. Đây là mười pháp không thể cùng tận.

Vì Bồ Tát tu niệm tạng, Ngài đã xả lìa được nghi hoặc. Đắc được nghĩ nhớ đầy đủ. Tức cũng là thuở xưa trong nhiều đời nhiều kiếp, hết thấy tất cả sự việc, đều nghĩ nhớ rõ ràng, mà chẳng quên mất.

Ở trong niệm tạng nói có mười thứ vô tận: 1. Đời. 2. Kiếp. 3. Phật danh. 4. Thọ ký. 5. Dẫn giáo. 6. Chúng hội. 7. Nói nghĩa. 8. Căn tính. 9. Sở trị. 10. Năng trị. Vì Bồ Tát, có thể nhớ lại được trong quá khứ một đời, những gì đã làm, thực hành, chẳng những nghĩ nhớ lại một đời, nghĩa là đời thứ hai, thọ thân là nam, hay nữ? Tên họ là gì? Sinh ra ở đâu? Cũng đều nhớ biết rõ. Cho đến trong mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, khởi những hoặc gì? Tạo những nghiệp gì? Thọ quả báo gì? Thấy đều ghi nhớ rõ ràng. Thậm chí ở trong vô lượng đời, gieo trồng nhân duyên gì? Kết quả gì? Hết thấy tất cả hạnh nghiệp, đều nhớ rõ không quên. Đây là nói đời vô lượng.

Nghĩ nhớ bất khả thuyết chư Phật nói Kinh điển, đều ghi nhớ, tức là nói mười hai bộ Kinh điển, cũng đều nhớ hết không quên. Nay giải thích sơ lược về mười hai bộ Kinh như sau:

1. Tu đa la: Dịch là khế Kinh. Trên khế với lý của chư Phật, dưới hợp với căn cơ của chúng sinh. Còn dịch là trường hàng. Từ "Như thị ngã văn" bắt đầu, cho đến cuối cùng "Tín thọ phụng hành" là ngừng, đây gọi là Trường Hàng. Có lối lại nói có bốn ý nghĩa:

Pháp bốn: Tức là căn bốn của pháp. Kinh: Tức là trường hàng. Trục thuyết: Nói rất thẳng. Thánh giáo: Pháp của Phật nói là Thánh giáo. Đại Sư Viễn Công phân

"Pháp bốn" ra làm năm ý nghĩa: Giáo là lý bốn: Giáo là nói căn bốn của lý. Kinh là luận bốn: Kinh là căn bốn của luận nghị. Tổng là biệt bốn: Tổng tướng là căn bốn của biệt tướng. Tu đa la là tổng tướng, mười một loại kia là biệt tướng. Sơ là hậu bốn: Một khi đầu tiên bắt đầu là căn bốn của cuối cùng. Lược là rộng bốn: Lược nói là căn bốn của rộng nói. Tu đa là còn có bốn ý nghĩa: Quán: Xâu lại những nghĩa lý đã nói. Tức là xâu nghĩa lý đã nói ra lại với nhau. Giống như hạt chuỗi, là dùng sợi chỉ, xâu 108 hạt chuỗi lại với nhau, cho nên người Ấn Độ gọi Kinh là chỉ khâu. Nhiếp: Nhiếp thọ những chúng sinh giáo hoá. Dùng pháp của Kinh điển nhiếp vào trong cửa Phật pháp. Thường: Xưa nay không thay đổi. Pháp: Ba đời đều đồng nhau. Đây là một phương pháp giải thích. Tu đa la còn có bốn ý nghĩa: Nghĩa là thùng đen: Giống như gỗ theo lằn mực đen mà ngay thẳng, vọng tâm hay theo Kinh Phật mà lìa tà. Nghĩa là suối vọt: Suối nước từ dưới đất vọt lên, trôi chảy không ngừng, lấy không hết được; dùng để giải khát. Nói chung, chẳng có lúc nào cùng tận. Nghĩa là sinh ra: Triển chuyển chất sinh, càng sinh càng nhiều. Nghĩa là hiển bày: Hiển bày đạo lý lý sự. Đây là một lối nói khác. Ở trên là lược giải "Tu đa la".

2. Kỳ dạ: Dịch là ứng tụng, còn là kệ tụng. Đáng tụng nghĩa lý trong trường hàng ở trên, dùng kệ để tụng lại. Hoặc dùng bốn chữ, hoặc năm chữ, hoặc bảy chữ làm một câu, một bài bốn câu, khiến cho người tụng dễ nhớ.

3. Hoà già la na: Dịch là thọ ký. Chư Phật thọ ký riêng biệt thành Phật cho Bồ Tát. Giống như Bồ Tát Di Lặc, bốn danh là A Dật Đa, Phật thọ ký là Phật Di Lặc, tương lai sẽ đến thế giới Ta Bà thành Phật.

4. Già đà: Dịch là phúng tụng, là có thể dùng kệ tụng xưng. Còn là cô khởi tụng, chẳng có quan hệ gì với Kinh văn ở trên, và cũng chẳng có quan hệ gì với Kinh văn ở sau. Ở trong Kinh văn, đột nhiên nói ra bài kệ bốn câu, như Kinh Pháp Cú.

5. Ni đà na: Dịch là nhân duyên. Hoặc nói nhân duyên của Phật, hoặc nói nhân duyên của đệ tử. Phàm là nói Kinh điển, đều có nhân duyên. Bắt đầu tất cả Kinh điển là phần tựa, đây là nhân duyên Kinh.

6. Ưu đà na: Dịch là tự thuyết. Kinh điển của Phật nói, trước hết do đệ tử thỉnh pháp, sau đó mới nói pháp. Chỉ có Kinh A Di Đà, là Kinh không hỏi mà tự nói. Tại sao? Vì pháp này chẳng có ai hiểu biết được. Song, Phật từ bi, không thể không nói, cho nên không hỏi mà tự nói Kinh A Di Đà, xiển dương pháp môn tịnh độ.

7. Đế mục đa già: Dịch là bốn sự. Phật tuyên nói sự việc đời trước của đệ tử, giống như Phẩm Bồ Tát Dược Vương Bốn Sự trong Kinh Pháp Hoa.

8. Đồ đà già: Dịch là bốn sinh. Phật tự nói sự việc thọ thân của mình trong quá khứ. Trong quá khứ đã từng làm nai chúa, làm Chuyển Luân Thánh Vương .v.v. Khi hành Bồ Tát đạo, đã từng xả bỏ vô số thân khả ái. Những nhân duyên thuở xưa này, đều ghi lại ở trong Bốn Sinh.

9. Tỳ Phật lược: Dịch là phương quảng. Nói Kinh văn chân lý phương chính quảng đại. Trong Kinh Niết Bàn có nói: "Đại thừa phương đẳng Kinh điển, nghĩa lý rộng lớn".

10. A phù đạt ma: Dịch là vị tăng hữu. Hoặc nói pháp quá khứ chư Phật chưa từng nói, hoặc nói pháp hiếm có. Giống như khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hàng sinh, thì liền đi bảy bước, hoa sen đỡ chân, tay trái chỉ trời, tay phải chỉ đất thốt ra: "Thiên thượng Thiên hạ, Duy ngã độc tôn". Nghĩa là: "Trên trời dưới nhân gian, Mình ta tôn quý hơn hết". Đây tức là pháp hiếm có.

11. A ba đà na: Dịch là ví dụ. Dùng phương pháp ví dụ, để nói rõ nghĩa lý Kinh văn. Ví dụ tuy nhiên chẳng phải là chân lý, nhưng nói rõ được chân lý.

12. Ưu ba đề xá: Dịch là luận nghị. Nói đơn giản đó là thảo luận vấn đề. Có khi Đức Phật hỏi, đệ tử đáp. Có khi đệ tử hỏi, Đức Phật đáp. Hoặc Bồ Tát luận nghị với nhau. Trong bốn Kinh Phẩm Vấn Minh, tức là luận nghị. Đây là giải thích sơ lược về mười hai bộ, còn gọi là mười hai phần giáo.

Bồ Tát ở trong niệm tạng này có mười thứ niệm:

1. Niệm vắng lặng: Tức là yên lặng chẳng động, cảm mà toại thông, tức cũng là vì tĩnh lự tương ưng. 2. Niệm thanh tịnh: Một chút nhiễm ô cũng chẳng có, tức cũng là vì vô lậu đều chuyển. 3. Niệm chẳng trược: Chẳng hỗn loạn, chẳng ô trược, tức cũng là vì tịnh tín. 4. Niệm minh triệt: Quang minh thấu suốt, giống như pha lê, tức cũng là vì biết rõ. 5. Niệm lìa trần: Lìa khỏi đủ thứ trần lao vọng niệm, tức cũng là vì chẳng thủ lấy. 6. Niệm lìa đủ thứ trần: Lìa khỏi hết thấy tất cả trần lao vọng niệm, tức cũng là vì lìa phân biệt. 7. Niệm lìa cấu: Lìa khỏi tất cả niệm bụi trần nhiễm ô, tức cũng là vì lìa sự biết. 8. Niệm quang diệu: Phóng trí tuệ quang, chiếu sáng tất cả, tức cũng là vì ban cho tuệ. 9. Niệm khả ái lạc: Niệm này rất đáng ưa thích, rất đáng vui, tức cũng là vì đủ các đức trên. 10. Niệm không chướng ngại: Niệm vô sở tri chướng, tức cũng là vì lìa các ác trên.

Vị Bồ Tát tu trì tạng, Ngài hay thọ trì Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển, của mười phương ba đời tất cả chư Phật nói. Văn tự ở trong Kinh điển từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc, Ngài đều có thể đọc tụng, lại hay biên chép. Nghĩa lý của mỗi câu Kinh văn, chẳng những thấu rõ triệt để, mà còn chẳng quên mất. Lọt vào mắt thấy rồi, thì vĩnh kiếp không quên. Bồ Tát một đời thọ trì pháp tạng này,

tiếp tục cho đến bất khả thuyết nhiều đời tương lai, cũng vẫn thọ pháp tạng này, mà vĩnh viễn không quên mất.

Vị Bồ Tát thọ trì danh hiệu của một vị Phật, chẳng có quên mất. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết danh hiệu Phật, cũng chẳng quên mất. Vị Bồ Tát thọ trì một bộ Kinh điển. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bộ Kinh điển, cũng chẳng quên mất. Vị Bồ Tát thọ trì một chúng hội đạo tràng. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết chúng hội đạo tràng, cũng chẳng quên mất. Vị Bồ Tát thọ trì diễn nói một pháp. Cho đến thọ trì diễn nói nhiều bất khả thuyết pháp, cũng chẳng quên mất.

Vị Bồ Tát tu biện tạng, Ngài có trí tuệ Bát Nhã thâm sâu, biết rõ được lý thể của các pháp thật tướng. Dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ ví dụ, đủ thứ giải thuyết, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói đạo lý của các pháp thật tướng. Nhưng cũng chẳng trái với Kinh điển của chư Phật nói. Nghĩa lý nói ra hoàn toàn hợp với tâm Phật, chẳng có chỗ nào tơ hào trái ngược.

Vị Bồ Tát nói pháp một phẩm, cho đến nói bất khả thuyết bất khả thuyết nhiều phẩm pháp. Nói danh hiệu của một vị Phật, cho đến nói bất khả thuyết nhiều danh hiệu Phật, giống như nói pháp, nói một thế giới, nói một vị thọ ký, nói một bộ Kinh, nói một chúng hội, nói diễn pháp một thánh giáo, nói một loại chúng sinh vô lượng đủ thứ tính, nói một thứ phiền não có vô lượng đủ thứ tính. Nói một thứ định có vô lượng đủ thứ tính, cho đến nói bất khả thuyết định vô lượng đủ thứ tính. Đây là đạo lý dùng một diễn nói nhiều, dùng nhiều quy về một. Do đó: "Một làm vô lượng, vô lượng làm một". Bồ Tát có trí tuệ biện tài như vậy, cho nên đến để vì chúng sinh nói pháp, giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

Gì là mười pháp vô tận?

1. Lợi ích tất cả chúng sinh: Nghĩa là phải lợi ích hết thảy chúng sinh. Do đó: "Phàm là việc ích lợi, thảy đều đi làm". Phàm là việc có lợi ích cho chúng sinh, làm không được cũng phải cố gắng làm, không sợ khó khăn. Đó mới là pháp tu khó làm mà làm được.

2. Dùng bốn nguyện khéo hồi hướng: Người hành Bồ Tát đạo, cần phải phát đại nguyện Bồ Tát, do đó: "Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, Phiền não vô tận thế nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành". Đây là nguyện lực căn bản, sau đó lại phát mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền:

Một là lễ kính các Đức Phật. Hai là khen ngợi Như Lai. Ba là rộng tu cúng dường. Bốn là sám hối nghiệp chướng. Năm là tùy hỷ công đức. Sáu là thỉnh chuyển pháp luân. Bảy là thỉnh Phật ở lại đời. Tám là thường học theo Phật. Chín là luôn thuận chúng sinh. Mười là thấy đều hồi hướng. Nguyên căn bản phát ra, hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sinh. Chẳng vì tự cầu, mà vì chúng sinh hành Bồ Tát đạo. Đây là hồi tự hướng tha.

3. Tất cả kiếp không đoạn tuyệt: Ở trong vô lượng vô biên kiếp, tu hành chẳng bao giờ ngừng, cũng không ngừng phát tâm bồ đề hành Bồ Tát đạo, càng lợi ích chúng sinh không bao giờ ngừng.v.v... tất cả mọi thời, tất cả mọi nơi, tất cả kiếp, hồi hướng công đức cho chúng sinh không bao giờ ngừng. Bồ Tát vì chúng sinh là khổ được vui, mà không mỏi mệt. Vì khiến cho chúng sinh thoát khỏi ba cõi, hiện thân nói pháp, bỏ qua cơ hội thành Phật. Do đó: "Đảo giá từ thuyền", trở lại thế giới Ta Bà, phổ độ chúng sinh. Tinh thần này vĩnh viễn không đoạn tuyệt.

4. Tận hư không giới đều khai ngộ tâm vô hạn: Minh bạch tự tính, tức là tận hư không giới. Ngộ được bản thể của pháp giới, nghĩa là minh tâm kiến tính, trở về nguồn cội, chúng được thân pháp giới, tức cũng là vô biên thân. Đây là Bồ Tát chúng được bản thể lý không. Chúng được bản thể của hư không. Mọi sự chấp trước, phiền não, chướng ngại, thấy đều không còn nữa. Tại sao? Vì như hư không, chúng được trí tuệ hư không. Tuy nhiên tại thế gian, hành mà không hành, làm mà không làm, tu mà không tu, chứng mà không chứng. Đến được cảnh giới này, thì tâm và hư không hợp mà làm một, chẳng có sự giới hạn, chẳng có sự chấp trước.

5. Hồi hướng hữu vi mà chẳng chấp trước: Tuy nhiên là như vậy, nhưng vẫn phải hồi hướng hữu vi, mà chẳng chấp trước hữu vi. Không thể nói: "Tôi chứng được lý không, gì cũng chẳng làm! Tất nhiên hành mà không hành, làm mà không làm, tu mà không tu, chứng mà không chứng, thì dạy nó là không". Chẳng phải lối nói pháp như thế. Tuy chúng được lý không vô vi, vẫn phải hồi hướng hữu vi. Đây tức là minh bạch đạo lý chân không. Từ trong chân không vẫn phải sinh ra diệu hữu. Không sinh diệu hữu, chỉ là chân không, thì chẳng có dụng gì. Do đó: "Chân không chẳng ngại diệu hữu/ Diệu hữu chẳng ngại chân không". Vẫn phải hồi hướng tất cả hữu vi. Gì là hữu vi? Phàm là có hình có tướng, đều gọi là hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói: "Phàm hết thấy tướng, Tức thấy Như Lai". Tuy nhiên chẳng hữu vi, nhưng vẫn không thể không có hữu vi. Vẫn có hữu vi, mà chẳng chấp trước hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói: "Tất cả pháp hữu vi. Như mộng huyễn bọt bóng. Như sương cũng như điện. Hãy quán sát như thế".

Tuy nhiên là vô vi, cũng phải hồi hướng hữu vi. Do đó: "Hành sở vô sự", đừng chấp trước vào hữu vi.

6. Một niệm cảnh giới tất cả pháp vô tận: Cảnh giới trong một niệm, đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Do đó: "Một niệm tức ba ngàn, ba ngàn tức một niệm". Hết thấy tất cả phiền não của chúng ta, đều do một niệm tạo thành. Nếu một niệm không sinh, thì sẽ đến được cảnh giới giải thoát. Giống như người tu hành, tu hành nhiều năm, một niệm không sinh, thì thường ở trong định.

7. Đại nguyện tâm không thay đổi: Người tu hành, thì vĩnh viễn không thối thất tâm bồ đề, không thay đổi tâm bồ đề. Phải thời khắc kiên trì tâm bồ đề. Tâm bồ đề tức là tâm đại nguyện trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, đại nguyện tức là thuyền qua biển. Từ bờ sinh tử bên này, qua sông phiền não, và đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Đại nguyện này, phải kiên cố như kim cang, vĩnh viễn không phá hoại, mới được như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt.

8. Khéo nhiếp lấy các Đà la ni: Bồ Tát khéo nhiếp lấy vô lượng vô biên môn tổng trì, cùng nhau làm quyến thuộc. Giống như tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là đệ nhất, chẳng có đệ nhị, cho nên gọi là pháp môn không hai. Do đó: "Pháp đều bình đẳng, Chẳng có cao thấp". Người tu đạo hoan hỷ pháp môn nào mà tương ưng, thì pháp môn đó là đệ nhất, pháp môn chẳng tương ưng, thì không thể nói là đệ nhất. Tuy nhiên pháp môn đó đối với bạn chẳng tương ưng, nhưng lại tương ưng với kẻ khác. Cho nên môn nào cũng đều đệ nhất, chẳng có đệ nhị. Nói tóm lại, phàm là pháp môn đối cơ, tức là đệ nhất.

9. Được tất cả chư Phật đều hộ niệm: Vì hay nhiếp lấy tất cả Đà la ni, cho nên tất cả chư Phật đều đến hộ niệm gia trì, khiến cho bạn tăng trưởng trí tuệ, thấu rõ tất cả pháp hữu vi, đều là hư vọng không thật.

10. Thấu rõ tất cả pháp đều như huyễn: Thấy tất cả pháp hữu vi đều là không, pháp vô vi căn bản cũng chẳng có. Tất cả pháp như huyễn không thật, thấu hiểu được đạo lý này thì tất cả đều chẳng chấp trước. Chúng ta người tu đạo, đừng chấp trước "cái ta". Nếu có tư tưởng về "cái ta", thì không thể nào thoát khỏi được ba cõi. Cho nên Phật mới đề tỉnh chúng ta, phải không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, bốn tướng. Như vậy mới quét được tất cả pháp, là tất cả tướng.

Tại sao con người chẳng biết tri túc? Vì nhiều tham, nhiều dục, tham mà không biết chán, tham cầu không ngừng. Ban ngày tỉnh cũng tham, ban đêm trong mộng cũng tham. Tại sao phải tham? Vì chẳng biết đủ. Nếu biết đủ, thì sẽ chẳng tham cầu. Chúng ta khởi tâm tham, là vì có dục vọng. Nếu chẳng có dục vọng, thì chẳng có tham. Không tham thì biết đủ, biết đủ thì an vui, an vui thì chẳng có phiền não. Chẳng có phiền não thì chẳng chấp trước, chẳng chấp

trước thì đắc được giải thoát. Chúng ta tu đạo là tu không chấp trước. Buông xả mọi việc thì sẽ đắc được giải thoát. Bất cứ là việc gì, đều phải nhẫn nại, không nhẫn được cũng phải nhẫn. Lúc đó, trời cũng an, chẳng hàng tai họa. Đất cũng yên, chẳng làm cho chấn động. Do đó: "Nhẫn là báu vô giá. Ai ai xử không tốt. Nếu hay dùng được nó. Mọi sự đều sẽ tốt".

5. Chú

Chú có bốn nghĩa:

1. Trong Chú có tên của vua quý thần, tiểu quý nghe đến tên vua, thì chẳng dám làm càn, đều phải giữ quy củ.
2. Như khẩu lệnh trong quân đội. Tương ưng thì vô sự, không tương ưng thì trị tội.
3. Chú hay bí mật tiêu mất tội nghiệp của bạn, khiến cho người không biết.
4. Chú là lời lẽ bí mật của chư Phật, chỉ có Phật mới biết đạo lý của Chú.

Căn lành do không có sự chấp trước và căn lành không sinh không diệt, sinh ra tất cả mây hoa sen báu. Tất cả mây hương kiên cố. Tất cả mây hoa vô biên màu sắc. Tất cả mây y đủ thứ sắc đẹp. Tất cả mây hương chiên đàn vô biên thanh tịnh. Tất cả mây mây lọng báu đẹp trang nghiêm. Tất cả mây hương hốt. Tất cả mây man đẹp. Tất cả mây đồ trang nghiêm thanh tịnh. Hết thấy những thứ mây này, đều khắp cùng pháp giới, vượt hơn đồ cúng dường của chư Thiên, đều đem cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Cảnh giới trí tuệ của Phật không thể cùng tận, là từ trong tam muội không thể so sánh sinh ra. Pháp thân của Phật chẳng có bờ mé, trụ khắp ở trong tất cả thân chúng sinh, khiến cho vô lượng chúng sinh đều đại hoan hỉ. Khiến cho chúng tính nhất thiết trí tuệ vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Chúng sinh với chư Phật, có quan hệ không thể phân ly, chư Phật đã thành Phật, chúng sinh chưa thành Phật. Pháp thân của Phật trụ khắp trong thân chúng sinh chưa thành Phật. Do đó: "Nay con đều hiểu các Như Lai, Như Lai với con không khác biệt. Như Lai thường ở trong thân con, Như Lai tức là ngã chân như".

Chư Phật chẳng lìa khỏi thân của chúng ta, cho nên đừng đi khắp nơi tìm Phật. Chỉ cần quay đầu lại, thì có thể sẽ thấy được Phật. Do đó:

*"Biển khổ không bờ.
Quay đầu là bến".*

Nếu bạn giác ngộ tất cả các pháp, tức là trở về nguồn cội, cũng là rõ tâm thấy tính, nghĩa là chúng được bản thể của Như Lai. Chúng ta chúng sinh đều đang sống ở trong pháp thân Như Lai, nếu chẳng phải ở trong pháp thân Như Lai, thì chúng sinh cũng đều chết. Giống như trong thân thể của mỗi người chúng ta, đều có vô lượng vi khuẩn. Những vi khuẩn này, nương thân người mà tồn tại.

Con người chết đi, thì vi khuẩn cũng chết. Pháp thân Như Lai ví như thân thể con người, chúng sinh ví như vi khuẩn. Chúng ta tồn tại ở trong pháp thân Như Lai, cũng giống như vi khuẩn tồn tại ở trong thân người, cùng một đạo lý. Pháp thân của Như Lai không thể nào chết, mà chúng ta ở trong luân hồi chuyển lại chuyển đi, sinh tồn ở trong luân hồi. Bản tính của chúng ta tức là Phật tính. Do đó:

"Tất cả chúng sinh, đều sẽ thành Phật".

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 11.

Tác giả: Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.